

Bản án số: 59/2019/HS-ST
Ngày 17 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân : Ông Trịnh Văn Thọ

Bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà :

Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở TAND huyện T , tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST - HS ngày 03/9/2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Xuân Đ , sinh ngày 26 tháng 3 năm 1997 tại xã T , huyện T , tỉnh T ; Nơi cư trú: Thôn D , xã T , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Xuân N và bà Đỗ Thị H ; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3; Chưa có vợ con; Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Đỗ Văn M , sinh ngày 12 tháng 5 năm 1998 tại xã T , huyện T , tỉnh T ; Nơi cư trú: Thôn D , xã T , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị T ; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 3; Chưa có vợ con; Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Trung tâm viễn thông huyện T

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Mai Xuân H , sinh năm 1966 - Chức vụ: Giám đốc. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Đỗ Xuân Đ , sinh năm 1997. Có mặt

Trú tại: Thôn D xã T , huyện T , tỉnh T

- *Người làm chứng:* 1. Anh Lưu Đình T , sinh năm 197. Có mặt

Trú tại: Xóm 19 xã X , huyện T , tỉnh T .

2. Chị Trần Thị C , sinh năm 1972. Có mặt

Trú tại: Xóm 21 xã X , huyện T , tỉnh T .

3. Anh Nguyễn Thanh H , sinh năm 1975. Vắng mặt

Trú tại: Khu 6 thị trấn T , huyện T , tỉnh T

4. Anh Lê Văn T , sinh năm 1985. Vắng mặt

Trú tại: Thôn T xã X , huyện T , tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 28/5/2019 Đỗ Xuân Đ , Đỗ Văn M và Đỗ Xuân Đ1 đi lắp đặt cáp quang tín hiệu viễn thông cho công ty viễn thông quân đội Viettel tại xã T , huyện T , tỉnh T . Sau khi làm xong Đ và M đi lên công trình đang thi công tại xã P , huyện N , tỉnh T lấy cáp mới, còn Đ1 về nhà lấy đồ để lên xã B tiếp tục lắp đặt cáp tín hiệu. Khoảng 10h 30 phút cùng ngày trên đường đi lấy cáp về đến đoạn đê sông Chu thuộc địa phận xóm 19 xã X , M ngồi sau thấy dưới chân đê, gần công chợ xã X có đoạn dây cáp tín hiệu của Trung tâm viễn thông huyện T đã cắt rời, một phần dây ở dưới đất, một phần trên mái nhà người dân, còn một đầu treo trên cột. Lúc này M bảo Đ dừng xe lại. Khi Đ dừng xe thì M chạy xuống thấy đoạn dây cáp đã được cắt rời hai đầu nên nói với Đ : “Có uống nước không?”. Nghe M nói thì Đ hiểu ý M rủ lấy trộm dây cáp đó bán để lấy tiền uống nước. Đ đồng ý và đi xe máy đến chỗ dây cáp. M mở cốp xe lấy cờ lê 19 ra, trèo lên cây cột điện tháo 02 con ốc nẹp dây cáp ra rồi xuống kéo dây. Thấy M kéo nặng nên Đ xuống kéo cùng M . Sau khi lấy được khoảng 80m dây cáp, M ôm lên xe máy nhãn hiệu Honda Wawe RSX, biển kiểm soát 36B6 - 936.35 của mình. Sau đó Đ điều khiển xe máy của M chở số dây cáp lấy trộm đi qua cầu phao X , sang địa phận xã X . Do số dây cáp trộm cắp được và số dây cáp lấy ở xã P huyện N nặng nên Đ bảo M bỏ số dây cáp vừa trộm được xuống rồi đứng trông, còn Đ chở số dây cáp lấy ở xã P về xã B . Khi Đ về đến xã B thì gặp Đỗ Xuân Đ1, Đ bảo Đ1 bỏ số dây cáp xuống và đi theo mình lên xã X đèo M về. Khi Đ1 và Đ đến nơi, Đ và M buộc cuộn dây cáp vừa trộm cắp được lên xe của M và Đ điều khiển xe đèo cuộn dây cáp đi trước, còn Đ1 đèo M đi sau bằng xe máy Honda Wawe biển kiểm soát 36B1- 896.71. Khi đang đi trên quốc lộ 47 thuộc địa phận xã X , huyện T thì Đ gặp 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi đi xe máy Honda Wawe màu sơn đen, sau xe

đèo một ít phế liệu nên Đ bán số cáp trên cho người đó được 600.000đ, sau đó về nhà Đ chia cho M và Đ1 mỗi người 200.000đ.

Ngày 31/5/2019 anh Nguyễn Thanh H và anh Lê Văn T là cán bộ Trung tâm viễn thông huyện T đến để khắc phục sự cố và nối lại dây cáp thì phát hiện bị mất trộm khoảng 80m dây cáp tín hiệu, loại cáp treo dung lượng 100 x 2 nên đã báo cáo vụ việc với lãnh đạo Trung tâm viễn thông T. Sau đó Trung tâm viễn thông T đã báo cáo với cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra xác minh, ngày 04/6/2019 Đỗ Xuân Đ đến cơ quan điều tra đầu thú và giao nộp số tiền bán dây cáp còn lại 200.000đ. Ngày 06/6/2019 Đỗ Văn M đến Công an huyện T đầu thú và giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wawe RSX, biển kiểm soát 36B6 - 936.35 và khai nhận hành vi phạm tội. Ngày 04/6/2019 Đỗ Xuân Đ1 giao nộp số tiền bán dây cáp 50.000đ.

Cơ quan điều tra Công an huyện T đã Trung cầu định giá đối với 80m dây cáp đồng tín hiệu viễn thông do Đ và M trộm cắp.

Tại Bản kết luận định giá số 23/KL - HDDG ngày 05/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị tài sản tại thời điểm tài sản bị trộm cắp là 15.136.000đ.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wawe biển kiểm soát 36B1- 896.71 không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu.

Vật chứng của vụ án gồm: Số tiền 250.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wawe RSX, biển kiểm soát 36B6 - 936.35 và 01 đăng kí xe máy biển kiểm soát 36B6 - 936.35 mang tên Đỗ Xuân Đ ; 01 cờ lê 19 màu trắng dài 20cm hiện đang quản lý theo quy định pháp luật.

Bị hại là Trung tâm viễn thông T đã nhận lại số tiền bồi thường 15.136.000đ từ các bị cáo và không yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 56/CT - VKS ngày 20/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65; Điều 58 BLHS xử phạt các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M mỗi bị cáo từ 12(Mười hai) tháng đến 15(Mười lăm)tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24(Hai mươi tư) đến 30(Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wawe RSX, biển kiểm soát 36B6 - 936.35 đã qua sử

dụng và 01 đăng kí xe máy biển kiểm soát 36B6 - 936.35 mang tên Đỗ Xuân Đ ; Số tiền 250.000đ; Tịch thu tiêu hủy 01 cờ lê 19 màu trắng dài 20cm; Truy thu số tiền do phạm tội mà có đối với bị cáo Đỗ Văn M 200.000đ và Đỗ Xuân Đ 150.000đ; Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Ngày 28/5/2019 tại xóm 19 xã X , huyện T , tỉnh T các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M đã trộm cắp 80m dây cáp tín hiệu loại 100 x 2 của Trung tâm Viễn Thông huyện T trị giá 15.136.000đ. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Cáo trạng số 56/CT - VKS ngày 20/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án có tính chất ít nghiêm trọng.

[4]. Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật nhà nước bảo vệ. Hành vi đó đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng lười lao động, không chịu khó làm ăn, tu dưỡng đạo đức, thích hưởng thụ tài sản trên công sức lao động của người khác. Các bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Điều đó

chứng tỏ rằng các bị cáo rất coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh.

[5]. Xét về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo M là người rủ rê bị cáo Đ trộm cắp tài sản, bị cáo M là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo Đ là người giúp sức cùng bị cáo M trộm cắp tài sản, ngoài ra bị cáo Đ còn trực tiếp đèo cuộn dây cáp đi bán và chia số tiền trộm cắp được cho M và Đ nên hai bị cáo xếp vai trò ngang nhau và phải chịu mức hình phạt tương ứng với hành vi của mình gây ra.

[5]. Về nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho bị hại nên các bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, i, b khoản 1 điều 51 BLHS; Các bị cáo đã đầu thú nên các bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt: HĐXX xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wawe RSX, biển kiểm soát 36B6 - 936.35 đã qua sử dụng và 01 đăng kí xe máy biển kiểm soát 36B6 - 936.35 mang tên Đỗ Xuân Đ là công cụ phương tiện phạm tội nên HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; Đối với 01 cờ lê 19 màu trắng dài 20cm là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng nên HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền 250.000đ các bị cáo đã tự nguyện giao nộp là tiền do phạm tội mà có nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Cần truy thu số tiền bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thu lợi bất chính từ việc phạm tội, cụ thể Đỗ Văn M 200.000đ, Đỗ Xuân Đ 150.000đ.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này Đỗ Xuân Đ1 không biết việc Đ và M trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự là đúng quy định pháp luật

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s, b khoản 1, 2 điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS năm 2015;

- Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Xuân Đ 12(Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24(Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Văn M 12(Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24(Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M cho UBND xã T, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 36B6 - 936.35 đã qua sử dụng và 01 đăng kí xe máy biển kiểm soát 36B6 - 936.35 mang tên Đỗ Xuân Đ ; Số tiền 250.000đ.

Tịch thu tiêu hủy 01 cờ lê 19 màu trắng dài 20cm

Toàn bộ số vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 52, Phiếu thu số PT 704 và phiếu nhập kho số: PNK 52 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Truy thu số tiền 200.000đ đối với bị cáo Đỗ Văn M ; Số tiền 150.000đ đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Đỗ Xuân Đ1.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo Đỗ Xuân Đ và Đỗ Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Trại tạm giam Công an tỉnh T ;
- UBND xã T , huyện T , tỉnh T
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng